UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG TH QUANG TRUNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn: Toán - Lớp 3
Năm học 2023 - 2024
Thời gian: 40 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ và tên: ……Lớp: …… Số báo danh: ……..

A. TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ đặt trước ý đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Câu 1: (1 điểm)

a. Số "Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu" viết là:

A. 70 326 B. 72 360 C. 72 306 D. 70 236

b. Trong các số 34 786; 34 278; 34 207; 34 789. Số bé nhất là:

A. 34 789 B. 34 207 C. 34 786 D. 34 278

Câu 2: (1 điểm)

a. Làm tròn số 83 240 đến hàng chục nghìn ta được số:

A. 83 000 B. 90 000 C. 80 000 D. 80 300

b. Số 19 trong số La Mã được viết là:

A. XVII B. XVIII C. XIX D. XVI

Câu 3: (0,5 điểm) Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Hỏi An sẽ tham dự trại hè vào ngày nào?

A. Ngày 1 tháng 6 B. Ngày 2 tháng 6

C. Ngày 3 tháng 6 D. Ngày 4 tháng 6

Câu 4: (0,5 điểm) Chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 7cm là:

A. 84 cm B. 38 cm^2 C. 38 cm D. 84 cm^2

Câu 5: (0,5 điểm) Cô Hoa mua 5kg gạo hết 85 000 đồng. Hỏi mỗi ki – lô – gam gạo như vậy giá bao nhiêu tiền?

A. 15 000 đồng B. 16 000 đồng C. 17 000 đồng D. 18 000 đồng

Câu 6: (0,5 điểm): Dưới đây là bảng số liệu về vật nuôi trong một trang trại:

Loại vật nuôi	Bò	Gà	Lợn	Dê
Số lượng (con)	45	120	78	36

Dựa vào bảng trên, trả lời câu hỏi: Trong trang trại có những loại vật nuôi nào? Mỗi loại có bao nhiêu con?

A. Bò có 45 con, Gà có 120 con, Lợn có 78 con, Dê có 45 con

B. Bò có 120 con, Gà có 45 con, Lợn có 78 con, Dê có 36 con

C. Bò có 45 con, Gà có 120 con, Lợn có 78 con, Dê có 36 con

D. Bò có 78 con, Gà có 120 con, Lợn có 45 con, Dê có 36 con

B. TỰ LUẬN:

Câu 7: (2 điểm) Đặt tính, rồi tính

21 817 x 3 31 672 : 6

.....

.....

.....

.....

Câu 8: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a. (10 327 – 6 105) x 5 b. 4 368 + 15 336 : 3

.....

.....

Câu 9 (2 điểm): Trang trại của bác Hòa có 4 khu nuôi gà, mỗi khu có 1 500 con gà. Hôm nay, sau khi bán đi một số gà thì trang trại của bác còn lại 2 800 con. Hỏi bác Hòa đã bán đi bao nhiêu con gà?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10 (1 điểm):

a. Tìm tích của số lớn nhất có bốn chữ số với số lớn nhất có một chữ số?

.....

.....

.....

b. Tính nhanh:

1 208 + 2 673 + 1 327 + 1 589 + 2 792 + 2 411

.....

.....

.....

.....

Ma trận nội dung kiểm tra môn Toán lớp 3
Cuối học kì I năm học 2023 – 2024

A. MẠCH KIẾN THỨC MÔN TOÁN LỚP 3

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Các mức năng lực		
	Mức 1 **(Nhận biết)**	**Mức 2** **(Kết nối)**	**Mức 3** **(Vận dụng)**
1. Số và phép tính (Phạm vi 1000)	- Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số. - Nhận biết được thành phần trong phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia. - Nhận biết được biểu thức số. - Nhận biết được về 1/2; 1/3;...; 1/9 thông qua các hình ảnh trực quan.	- Thực hiện được so sánh hai số; sắp xếp các số theo thứ tự trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000). - Xác định được thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết. - Tính được cộng, trừ, nhân, chia các số trong phạm vi 1000. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính. - Xác định được 1/2; 1/3;...; 1/9 của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần đều nhau	- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính; liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính;.... - Thông qua kết quả thực hiện bài tập của học sinh có thể nhận biết được biểu hiện về năng lực "tư duy và lập luận toán học"; "mô hình hoá toán học"; "giải quyết vấn đề toán học"; "giao tiếp toán học".
2. Hình học và đo lường	- Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng; góc, góc vuông, góc không vuông.	- Thực hiện được vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, hình vuông, hình chữ nhật và vẽ trang trí.	- Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.

	- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, khối hộp chữ nhật. - Nhận biết được đơn vị đo độ dài mi-li-mét; đơn vị đo khối lượng gam; đơn vị đo dung tích mi-li-lít; đơn vị đo nhiệt độ.	- Sử dụng được êke để kiểm tra góc vuông; sử dụng compa để vẽ đường tròn. - Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. - Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hiện cân, đo, đong, đếm. - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài; khối lượng; dung tích đã học.	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường. - Thông qua kết quả thực hiện bài tập của học sinh có thể nhận biết được biểu hiện về năng lực "tư duy và lập luận toán học"; "giải quyết vấn đề toán học"; "sử dụng công cụ, phương tiện học toán".

B. MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN LỚP 3

Chủ đề	Số câu Câu số Số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng		
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Số học và phép tính	Số câu	2		2	2		2	4	4	8
	Câu số	1, 4		2,5	7,8		9,10			
	Số điểm	1,5		1,5	3		3	3	6	9
2. Đo lường.	Số câu	1						1		1
	Câu số	3								
	Số điểm	0,5						0,5		0,5
3. Hình học	Số câu			1				1		1
	Câu số			6						
	Số điểm			0,5				0,5		0,5
Tổng số câu		3		5		2		6	4	10
Tổng số điểm		2		5		3		4	6	10

Tỉ lệ %	20%	50%	30%	40%	60%	100%

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Toán - Lớp 3 - Năm học 2023 – 2024

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	a. B; b. C	Mỗi phần 0,5 điểm
Câu 2	a.B; b. A	Mỗi phần 0,5 điểm
Câu 3	B	0,5 điểm
Câu 4	C	0,5 điểm
Câu 5	B	0,5 điểm
Câu 6	a. S; b.Đ	Mỗi phần 0,25 điểm

Câu 7: (2 điểm)

- Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính 0,5 điểm
- Đặt tính đúng, tính sai kết quả : trừ 0,25 điểm mỗi phép tính.

427 x 2 = 854 131 x 6 = 786 108 : 6 = 18 624 : 4 = 156

Câu 8: 1 điểm. Đúng mỗi phần được 0,5 điểm

a. 247 – 48 x 5 = 247 - 240 0,25đ b. 586 + 40 : 5 = 586 + 8 0,25đ

= 7 0,25đ = 594 0,25đ

Câu 9: 2 điểm

Bài giải

Tháng này có số học sinh tham quan viện bảo tàng là: (0,5 điểm)

228 x 2 = 456 (học sinh) (0,5 điểm)

Cả hai tháng viện bảo tàng có tất cả số học sinh đến tham quan là:(0,5đ)

228 + 456 = 684 (học sinh) (0,25 điểm)

Đáp số : 684 học sinh (0,25 điểm)

**Lưu ý: Câu trả lời sai, phép tính đúng không tính điểm*

Phép tính đúng, kết quả sai trừ nột nửa số điểm của phần đó

Câu 10: 1 điểm

Số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là : 11 0,25đ

Gọi số cần tìm là x. Ta có: x : 8 = 11 (dư 5) 0,5đ

x = 11 x 8 + 5

x = 93

Vậy số cần tìm là 93 0,25đ

Lưu ý: Đối với bài được điểm tối đa, trình bày bẩn, xấu trừ 0,5 điểm toàn bài